

Bản án số: 42/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 10-9-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyển.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh; ông Phạm Văn Ủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 21/8/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Mã Thị Đ - Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Xóm 8, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Th - Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Xóm 8, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mã Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Th kết hôn vào ngày 10/01/2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được hơn 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th không tu trí làm ăn, kinh tế gia đình sa sút và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Th vũ phu đánh đập nhục mạ chị và gia đình bên ngoại. Khi đó sức khỏe chị yếu mà lại mang bầu nên chị phải chịu đựng, muốn anh Th hoàn lương có cơ hội nghĩ lại tình nghĩa vợ chồng nhưng anh Th vẫn không chịu thay đổi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, chị yêu cầu được ly hôn anh Th.

Về con: Vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Trí Th - Sinh ngày: 18/6/2018. Nếu ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Mức lương của chị mỗi tháng khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ

Về tài sản: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/7/2019 và phiên hòa giải ngày 19/7/2019, bị đơn anh Phạm Văn Th trình bày:

Về hôn nhân: Ngày tháng năm, cơ sở kết hôn như chị Đ trình bày là đúng. Sau ngày kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc được hơn 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, chị Đ đã nghe về phía bố mẹ để để làm đơn ly hôn và đồng thời sống ly thân nhau. Từ ngày chị Đ làm đơn ly hôn đến nay chị Đ bỏ về bên ngoại ở không về nhà và không quan tâm đến chồng con nữa. Nay anh thấy tình cảm không còn, chị Đ yêu cầu xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về con: Anh thừa nhận vợ chồng có 01 con chung như chị Đ khai. Nếu ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh làm nghề công nhân bảo dưỡng cầu đường, mức lương cứng của anh mỗi tháng khoảng 4.000.000đ, ngoài ra còn có tiền phụ cấp và tiền làm thêm giờ mỗi tháng dao động từ 1.000.000đ đến 3.000.000đ.

Về tài sản: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đ vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Th, yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Còn anh Th đồng ý ly hôn với chị Đ, yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã Th hiện đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự là vi phạm khoản 3 Điều 208 BLTTDS, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn tổng hợp vi phạm để ban hành kiến nghị. Các đương sự chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mã Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mã Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Phạm Văn Th. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Mã Thị Đ và anh Phạm Văn Th kết hôn ngày 10/01/2017, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh chị sống hạnh phúc được hơn 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn nên anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến chị Đ đã bỏ về bên ngoài sinh sống, không còn quan tâm đến nhau. Nay cả chị Đ và anh Th đều xác định tình cảm không còn, chị Đ yêu cầu xin ly hôn, anh Th đồng ý ly hôn. Như vậy, chứng tỏ chị Đ và anh Th không tha thiết gì đến việc hàn gắn hôn nhân, níu kéo tình cảm vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 09/8/2019, xóm trưởng xóm 8, xã Nga Tân cho biết nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th là công nhân cầu đường nên kinh tế gia đình khó khăn, anh Th và chị Đ thỉnh thoảng có cãi chửi nhau và mâu thuẫn của anh chị cũng xuất phát một phần từ bên bố đẻ của chị Đ, hiện chị Đ đã về nhà mẹ đẻ ở.

HĐXX thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đ và anh Th.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh Th đều thừa nhận có 01 con chung là Phạm Trí Th - Sinh ngày: 18/6/2018. Cả chị Đ và anh Th đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. HĐXX thấy, nguyện vọng yêu cầu được nuôi con của hai bên đương sự đều phù hợp, tuy nhiên cháu Th đang còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ, nên xử giao cháu Th cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và Th tiền.

Về mức cấp dưỡng: Chị Đ yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy, anh Th làm công nhân bảo dưỡng cầu đường, mức lương cứng của anh mỗi tháng khoảng 4.000.000đ, ngoài ra còn có tiền phụ cấp và tiền làm thêm giờ mỗi tháng dao động từ 1.000.000đ đến 3.000.000đ. Vì vậy, yêu cầu của chị Đ là có căn cứ, cần buộc anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đ mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2019 cho đến khi cháu thành niên là phù hợp.

[4] Về tài sản: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Mã Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn, anh Phạm Văn Th phải chịu án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mã Thị Đ và anh Phạm Văn Th.

2. Về con: Giao cháu Phạm Trí Th - Sinh ngày: 18/6/2018 cho chị Mã Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2019 cho đến khi cháu thành niên. Anh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Mã Thị Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà chị đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0005866 ngày 02/7/2019 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn; chị Đ đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Anh Phạm Văn Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đ và anh Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được Th hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THDS.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã T, huyện N;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Tuyên

